

Bản án số: 424/2026/DS-PT

Ngày 13 - 5 - 2026

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 01, ngày 11 tháng 3, ngày 14 tháng 4 và ngày 13 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 652/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2025/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 678/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T (nay là xã P), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Hồng L: Bà Võ Thị Ngọc G, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số C, L, phường M, tỉnh Đồng Tháp và anh Nguyễn Vĩnh P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số I, L, khu phố C, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng L: Luật sư Nguyễn Trung T là Luật sư của Công ty L3 và ông Đặng Đình P1 là Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng P2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T (nay là xã P), tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T (nay là xã P), tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Hoàng P2 là bị đơn và chị Nguyễn Thị Ánh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Anh P2, chị T1, anh Vĩnh P, Luật sư P1, Luật sư T có mặt; bà G có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L do anh Nguyễn Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị L làm đầu thảo, còn anh Nguyễn Hoàng P2 là hội viên tham gia các dây hội của chị L như hội ngày, tuần, tháng, mùa; tính đến ngày 08/02/2025 thì anh P2 ngưng không có đóng hội gì cho chị L. Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu giải quyết 17 dây hội, nay chị L chỉ yêu cầu giải quyết 10 dây hội, cụ thể:

1. Dây hội mã HL 40: Hội mùa (03 tháng khui 01 lần) 20.000.000 đồng mở ngày 27/01/2025, gồm 15 phần, anh P2 tham gia 01 phần. Anh P2 hốt ngày 27/01/2025 với số tiền 176.200.000 đồng. Hiện hội còn sống, đến ngày 27/7/2028 hội mới mãn, tính đến ngày 09/6/2025 anh P2 còn nợ lại chị L 01 kỳ hội chết với số tiền 20.000.000 đồng.

2. Dây hội mã HL 37: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 21/01/2025, gồm 38 phần, anh P2 tham gia 04 phần, đã hốt vào các ngày 25/01/2025, ngày 27/01/2025, ngày 30/01/2025 và ngày 01/02/2025 với tổng số tiền 136.540.000 đồng. Hiện hội đã mãn vào ngày 27/02/2025, tính đến ngày mãn hội thì anh P2 còn nợ lại chị L 19 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 1.000.000 đồng x 19 kỳ x 04 phần = 76.000.000 đồng.

3. Dây hội mã HL 33: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 16/01/2025, gồm 40 phần, anh P2 tham gia 02 phần, đã hốt vào các ngày 19/01/2025 và ngày 20/01/2025 với tổng số tiền 72.025.000 đồng. Hiện hội đã mãn vào ngày 24/02/2025, tính đến ngày mãn hội thì anh P2 còn nợ lại chị L 16 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 1.000.000 đồng x 16 kỳ x 02 phần = 32.000.000 đồng.

4. Dây hội mã HL 32: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 13/01/2025, gồm 40 phần, anh P2 tham gia 02 phần, đã hốt vào các ngày 16/01/2025 và ngày 20/01/2025 với tổng số tiền 72.580.000 đồng. Hiện hội đã mãn vào ngày 21/02/2025, tính đến ngày mãn hội thì anh P2 còn nợ lại chị L 13 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 1.000.000 đồng x 13 kỳ x 02 phần = 26.000.000 đồng.

5. Dây hội mã HL31: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 12/01/2025, gồm 40 phần, anh P2 tham gia 02 phần, đã hốt vào các ngày 14/01/2025 và

ngày 22/01/2025 với tổng số tiền 71.720.000 đồng. Hiện hội đã mãn vào ngày 20/02/2025, tính đến ngày mãn hội ngày 20/02/2025 anh P2 còn nợ lại chị L 12 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 1.000.000 đồng x 12 kỳ x 02 phần = 24.000.000 đồng.

6. Dây hội mã HL29: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 11/01/2025, gồm 40 phần, anh P2 tham gia 02 phần đã hốt vào các ngày 14/01/2025 và ngày 17/01/2025, tổng số tiền hốt hội 72.155.000 đồng. Hiện hội đã mãn vào ngày 19/02/2025, tính đến ngày mãn hội thì anh P2 còn nợ lại chị L 11 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 1.000.000 đồng x 11 kỳ x 02 phần = 22.000.000 đồng.

7. Dây hội mã HL28: Hội tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05/01/2025, gồm 16 phần, anh P2 tham gia 02 phần đã hốt vào các ngày 05/01/2025 và ngày 05/02/2025 với số tiền 190.700.000 đồng. Hiện hội chưa mãn, đến ngày 05/4/2026 hội mới mãn, tính đến ngày 09/6/2025 anh P2 còn nợ lại chị L 04 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 10.000.000 đồng x 04 kỳ x 02 phần = 80.000.000 đồng.

8. Dây hội mã HL27: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 04/01/2025, gồm 40 phần, anh P2 tham gia 03 phần đã hốt vào các ngày 09/01/2025, ngày 14/01/2025, ngày 20/01/2025 với tổng số tiền 109.790.000 đồng. Hiện hội đã mãn vào ngày 12/02/2025, tính đến ngày mãn hội thì anh P2 còn nợ lại chị L 04 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 1.000.000 đồng x 04 kỳ x 03 phần = 12.000.000 đồng.

9. Dây hội mã HL13: Hội tuần 2.000.000 đồng mở ngày 30/11/2024, gồm 30 phần, anh P2 tham gia 02 phần đã hốt vào các ngày 01/02/2025 và ngày 08/02/2025, với tổng số tiền 94.910.000 đồng. Hiện hội chưa mãn, đến ngày 21/6/2025 mãn hội, tính đến ngày 16/6/2025 anh P2 còn nợ lại chị L 18 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 2.000.000 đồng x 18 kỳ x 02 phần = 72.000.000 đồng.

10. Dây hội mã HL11: Hội tuần 1.000.000 đồng mở ngày 19/11/2024, gồm 24 phần, anh P2 tham gia 01 phần đã hốt vào ngày 04/02/2025, với tổng số tiền 21.330.000 đồng. Hiện hội đã mãn vào ngày 29/4/2025, tính đến ngày mãn hội thì anh P2 còn nợ lại chị L 12 kỳ hội chết với số tiền nợ hội 1.000.000 đồng x 12 kỳ x 01 phần = 12.000.000 đồng.

Đối với số tiền chơi hội trên là tài sản của cá nhân chị L, không phải tài sản chung với bất kỳ ai. Chị L xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các dây hội mã HL34 hội tuần 2.000.000 đồng mở ngày 16/01/2025; dây hội mã HL30 hội tháng 10.000.000 đồng mở ngày 11/01/2025; dây hội mã HL25 hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 02/01/2025; dây hội mã HL23 hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 31/12/2024; dây hội mã HL17 hội tháng 10.000.000 đồng mở ngày 11/12/2024; dây hội mã HL12 hội tuần 1.000.000 đồng mở ngày 21/11/2024; dây hội mã HL9 hội tháng 10.000.000 đồng mở ngày 19/11/2024.

Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu giải quyết buộc anh P2 và chị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền nợ hụi 796.960.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nay chị L xin thay đổi yêu cầu giải quyết buộc anh P2 và chị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền nợ hụi 376.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, chị L không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P2 trình bày:

Anh P2 thừa nhận trước đây có vay tiền của chị L, anh vay rất nhiều lần nên không nhớ rõ từng khoản vay và mức lãi suất, tất cả các khoản vay này đã thanh toán xong, việc vay tiền của chị L để kinh doanh và chăm lo cuộc sống của vợ chồng. Để đảm bảo việc vay tiền anh có tham gia các dây hụi ngày, tuần, tháng, mùa do chị L làm đầu thảo, chị L tự tính và tự hốt hụi thay cho anh để cân trừ vào tiền gốc và lãi của từng khoản vay, đối với các dây hụi này anh đã đóng hụi xong hết cho chị L. Việc vay tiền và chơi hụi chỉ có một mình anh thực hiện chị T1 không có tham gia, anh vay tiền về lo bổ sung vốn mở sân cầu lông và kinh doanh dịch vụ xe. Anh P2 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L, vì đã thanh toán nợ xong cho chị L. Anh P2 không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ánh T1 trình bày:

Chị T1 là vợ của anh Nguyễn Hoàng P2, tính đến nay vẫn còn là vợ chồng, việc chơi hụi giữa anh P2 với chị Nguyễn Thị Hồng L thì chị không có tham gia và cũng không có biết việc chơi hụi này. Chị T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L, vì không có liên quan gì đến việc chơi hụi giữa anh P2 với chị L. Chị T1 không có yêu cầu gì.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2025/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp) tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

Buộc anh Nguyễn Hoàng P2 và chị Nguyễn Thị Ánh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng L số tiền nợ hụi là 376.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với các dây hụi mã HL34 hụi tuần 2.000.000 đồng mở ngày 16/01/2025, dây hụi mã HL30

hội tháng 10.000.000 đồng mở ngày 11/01/2025, đây hội mã HL25 hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 02/01/2025, đây hội mã HL23 hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 31/12/2024, đây hội mã HL17 hội tháng 10.000.000 đồng mở ngày 11/12/2024, đây hội mã HL12 hội tuần 1.000.000 đồng mở ngày 21/11/2024, đây hội mã HL9 hội tháng 10.000.000 đồng mở ngày 19/11/2024.

Chị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện trên theo thủ tục chung.

Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện trên cho chị L (Nếu có yêu cầu).

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2025 của Tòa án, với biện pháp là “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự (Phong tỏa phần đất diện tích 72m², thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: CH01245 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T cấp ngày 08/3/2022 cho ông Nguyễn Hoàng P2) để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí:

Chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị L 17.939.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0001239, ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Anh P2 và chị T1 phải liên đới chịu 18.800.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, anh Nguyễn Hoàng P2 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L, vì số nợ trên anh vay, mượn của chị L đã trả đủ theo 58 phiếu chuyển tiền.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, chị Nguyễn Thị Ánh T1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử theo hướng không đồng ý liên đới với anh P2 trả nợ cho chị L, vì không liên quan đến số nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Hoàng P2 trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L, anh P2 đồng ý chị L rút một

phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh P2, chị T1 trả tiền hui của dây hui mã HL 40: Hui mùa (03 tháng khui 01 lần) 20.000.000 đồng mở ngày 27/01/2025 với số tiền 20.000.000 đồng và dây hui mã HL28: Hui tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05/01/2025 với số tiền 80.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ánh T1 trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, chị T1 không biết anh Nguyễn Hoàng P2 tham gia chơi hui của chị Nguyễn Thị Hồng L, chị và anh P2 là vợ chồng, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L, vì không có liên quan. Chị T1 đồng ý chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh P2, chị T1 trả tiền hui của dây hui mã HL 40: Hui mùa (03 tháng khui 01 lần) 20.000.000 đồng mở ngày 27/01/2025 với số tiền 20.000.000 đồng và dây hui mã HL28: Hui tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05/01/2025 với số tiền 80.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Không đồng ý kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng P2, chị Nguyễn Thị Ánh T1. Chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh P2, chị T1 trả tiền hui của dây hui mã HL 40: Hui mùa (03 tháng khui 01 lần) 20.000.000 đồng mở ngày 27/01/2025 với số tiền 20.000.000 đồng và dây hui mã HL28: Hui tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05/01/2025 với số tiền 80.000.000 đồng. Chị L cung cấp được chứng cứ quá trình anh P2 tham gia chơi các dây hui, chị T1 với anh P2 là vợ chồng, anh P2 thừa nhận số tiền nhận từ chị L để lo kinh doanh sân cầu lông, đầu tư chạy xe dịch vụ nhằm tạo ra thu nhập lo cuộc sống chung của gia đình, chị T1 chuyển 20.000.000 đồng cho chị L, nên anh P2, chị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền hui 276.000.000 đồng. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2025.

Luật sư Đặng Đình P1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của anh Nguyễn Vĩnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Vĩnh P là người đại diện của chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh P, chị T1 trả tiền của 02 dây hui HL 40 và HL 28 với số tiền 100.000.000 đồng được anh P, chị T1 đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh P, chị T1, căn cứ khoản 1 Điều 299, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu anh P, chị T1 trả tiền của dây hui HL 40 với số tiền 20.000.000 đồng và dây hui HL 28 với số tiền 80.000.000 đồng và sửa một

phần bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2025/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng P2, chị Nguyễn Thị Ánh T1 nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai chỉ có anh P2, chị T1, anh Vĩnh P, Luật sư P1, Luật sư T có mặt; bà G có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hội” thụ lý giải quyết phù hợp khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng P2 yêu cầu xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L, vì số nợ trên anh vay, mượn của chị L đã trả đủ theo 58 phiếu chuyển tiền.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh P, chị T1 trả tiền hội của dây hội mã HL 40: Hội mùa (03 tháng khui 01 lần) 20.000.000 đồng mở ngày 27/01/2025 với số tiền 20.000.000 đồng và dây hội mã HL28: Hội tháng 10.000.000 đồng mở ngày 05/01/2025 với số tiền 80.000.000 đồng, được bị đơn anh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T1 đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu anh P, chị T1 trả tiền của dây hội HL 40 với số tiền 20.000.000 đồng và dây hội HL 28 với số tiền 80.000.000 đồng.

Chị L yêu cầu anh P và chị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hội của các dây hội HL 37: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 21/01/2025 với số tiền 76.000.000 đồng; dây hội HL 33: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 16/01/2025 với số tiền 32.000.000 đồng; dây hội HL 32: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 13/01/2025 với số tiền 26.000.000 đồng; dây hội HL31: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 12/01/2025 với số tiền 24.000.000 đồng; dây hội HL29: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 11/01/2025 với số tiền 22.000.000 đồng; dây hội HL27: Hội ngày 1.000.000 đồng mở ngày 04/01/2025 với số tiền 12.000.000 đồng; dây hội HL13: Hội tuần 2.000.000

đồng mở ngày 30/11/2024 với số tiền 72.000.000 đồng và dây hụi HL11: Hụi tuần 1.000.000 đồng mở ngày 19/11/2024 với số tiền 12.000.000 đồng, tổng cộng 276.000.000 đồng.

Chị L cho rằng anh P là hụi viên tham gia các dây hụi do chị làm đầu thảo, chị cung cấp chi tiết các dây hụi, danh sách hụi viên, số tiền anh P tham gia các dây hụi, tài khoản Zalo của anh P vào trong nhóm hụi, các phần hụi anh P hốt, giao dịch chuyển tiền khấu trừ và biên nhận tiền hốt hụi. Anh P cho rằng vay tiền của chị L thông qua hình thức chơi hụi ngày, tuần, tháng, mùa của chị L. Những người làm chứng chị Lê Thị Mỹ L1, chị Trần Thị Ngọc L2, chị Nguyễn Hồng N, chị Nguyễn Thị Ngọc T2 đều trình bày khi tham gia chơi hụi chị L2 tạo nhóm trên Z, người tham gia chơi nhấn tin số tiền bỏ hụi trên nhóm ai cao hơn thì hốt hụi, chị L2 giao tiền hốt hụi đầy đủ. Như vậy, có cơ sở xác định anh P tham gia chơi các dây hụi và hốt hụi của chị L2.

Anh P cho rằng đã đóng hụi xong cho chị L2 thể hiện qua 58 lần chuyển khoản với tổng số tiền 776.951.000 đồng, nhưng anh P không chứng minh trả cho khoản vay nào hay trả cho số tiền hụi của dây hụi nào. Chị L2 cho rằng các lần anh P chuyển khoản để đóng cho các dây hụi trước đó và đóng những lần hụi chết cho các dây hụi chị L2 đang yêu cầu, từ ngày 08/02/2025 thì anh P ngưng đóng tiền hụi cho đến nay. Do đó, có cơ sở xác định anh P còn nợ chị L2 08 dây hụi với tổng số tiền 276.000.000 đồng.

[2.2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ánh T1 yêu cầu xét xử theo hướng không đồng ý liên đới với anh P trả nợ cho chị L2, vì không liên quan đến số nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị T1 cho rằng không có tham gia chơi hụi của chị L2, không có liên quan đến việc chơi hụi giữa anh P với chị L2. Chị T1 thừa nhận thời điểm anh P chơi hụi của chị Linh T3 đến nay vẫn còn là vợ chồng; số tiền anh P nhận từ chị L2 để lo kinh doanh sân cầu lông, đầu tư chạy xe dịch vụ nhằm tạo ra thu nhập lo cuộc sống chung của gia đình. Từ đó, cho thấy số tiền hốt hụi sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên chị T1 có nghĩa vụ liên đới cùng anh P trả tiền hụi cho chị L2 là phù hợp.

[2.3] Trong quá trình giải quyết chị L2 yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và ngày 10/3/2025 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2025/QĐ-BPKCTT về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” diện tích 72m², thửa đất số 70, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp ngày 08/3/2022 cho ông Nguyễn Hoàng P2. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của chị L2 yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2025. Việc yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2025 để đảm bảo thi hành án là có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của anh P2 và chị T1 có một phần căn cứ, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu anh P2, chị T1 trả tiền của 02 dây hụi HL 40 và HL 28 với số tiền 100.000.000 đồng và sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2025/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp).

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L2 là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh P2 và chị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 299, khoản 2, 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu anh Nguyễn Hoàng P2, chị Nguyễn Thị Ánh T1 trả tiền của 02 dây hụi HL 40, HL 28 với số tiền 100.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng P2, chị Nguyễn Thị Ánh T1.

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2025/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Tháp).

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

Buộc anh Nguyễn Hoàng P2 và chị Nguyễn Thị Ánh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Hồng L số tiền hụi còn nợ 276.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L đối với các dây hui mã HL34 hui tuần 2.000.000 đồng mở ngày 16/01/2025; dây hui mã HL30 hui tháng 10.000.000 đồng mở ngày 11/01/2025; dây hui mã HL25 hui ngày 1.000.000 đồng mở ngày 02/01/2025; dây hui mã HL23 hui ngày 1.000.000 đồng mở ngày 31/12/2024; dây hui mã HL17 hui tháng 10.000.000 đồng mở ngày 11/12/2024; dây hui mã HL12 hui tuần 1.000.000 đồng mở ngày 21/11/2024; dây hui mã HL9 hui tháng 10.000.000 đồng mở ngày 19/11/2024.

Chị Nguyễn Thị Hồng L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện trên theo thủ tục chung.

Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện trên cho chị Nguyễn Thị Hồng L (nếu có yêu cầu).

3.3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 10/3/2025 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” (Phong tỏa diện tích 72m², thửa đất số 70, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cấp ngày 08/3/2022 cho ông Nguyễn Hoàng P2) để đảm bảo thi hành án.

3.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị L 17.939.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0001239, ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Tháp).

Anh Nguyễn Hoàng P2 và chị Nguyễn Thị Ánh T1 phải liên đới chịu 18.800.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Hoàng P2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006354, ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Ánh T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006353, ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KT - TT & THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 10 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA (Dũng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Chí Dũng